

BÀI TẬP CUỐI TUẦN TOÁN 2

Tuần 20 – Đề 1

Phần 1. Trắc nghiệm :

1. Nối phép tính với kết quả đúng :

2×5

2×7

2×8

2×10

20

16

10

14

30

18

12

27

3×10

3×9

3×4

3×6

2. Đúng ghi Đ , sai ghi S :

* Các số dưới đây được xếp theo thứ tự từ bé đến lớn :

a) 2 ; 4 ; 8 ; 6 ; 10 ; 12 ; 14 ; 16 ; 18 ; 20
 b) 2 ; 4 ; 6 ; 8 ; 10 ; 12 ; 14 ; 16 ; 18 ; 20

* Các số dưới đây được xếp theo thứ tự từ lớn đến bé :

c) 30 ; 27 ; 24 ; 18 ; 15 ; 21 ; 12 ; 9 ; 6 ; 3

d) 30 ; 27 ; 24 ; 21 ; 18 ; 15 ; 12 ; 9 ; 6 ; 3

3. Đúng ghi Đ, sai ghi S. Viết phép nhân đúng hay sai ?

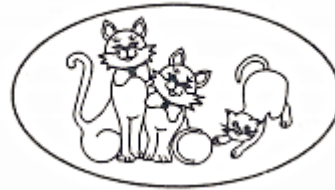
* Có tất cả bao nhiêu con gà ?



a) $2 \times 3 = 6$ (con)

b) $3 \times 2 = 6$ (con)

* Có tất cả bao nhiêu con mèo ?



c) $2 \times 3 = 6$ (con)

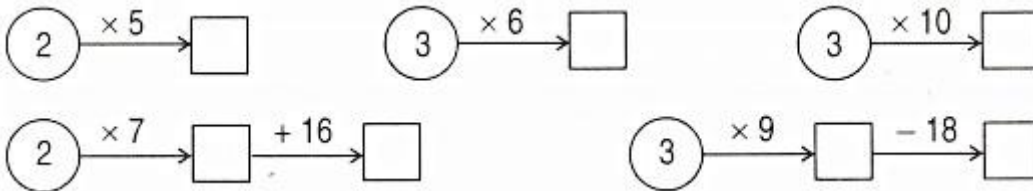
d) $3 \times 2 = 6$ (con)

Phần 2. Tự luận :

Bài 1. Viết số thích hợp vào ô trống :

Thừa số	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2
Thừa số	3	2	1	5	7	9	8	6	4	10
Tích										

Bài 2. Số ?



Bài 3. Mỗi bàn có 2 học sinh ngồi . Hỏi 6 bàn có bao nhiêu học sinh ngồi ?

Bài giải

.....

Bài 4. Mỗi túi gạo có 3 kg gạo. Hỏi 5 túi gạo có bao nhiêu ki-lô-gam gạo ?

Bài giải

.....

Bài 5. Viết số thích hợp vào chỗ chấm :

a) 8 ; 10 ; 12 ; ... ; ... ; ; 20.

b) 20 ; 18 ; 16 ; ... ; ... ; ; 8.

c) 12 ; 15 ; 18 ; ... ; ... ; ; 30.

d) 24 ; 21 ; 18 ; ... ; ... ; ; 6.

LỜI GIẢI CHI TIẾT

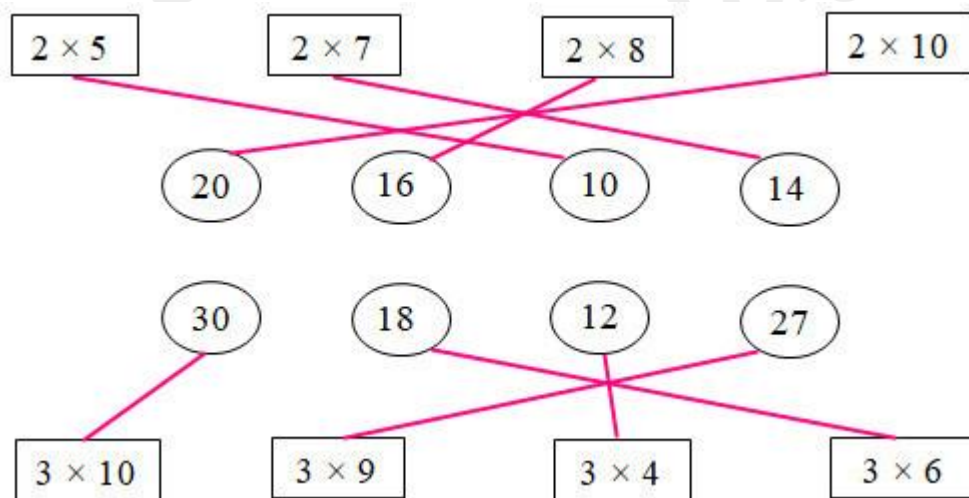
Phần 1. Trắc nghiệm

Câu 1

Phương pháp:

Nhằm tính các phép tính trong bảng nhân 2 rồi nối phép tính với kết quả đúng.

Cách giải:



Câu 2

Phương pháp:

So sánh các số đã cho rồi sắp xếp các số theo thứ tự từ bé đến lớn hoặc từ lớn đến bé.

Cách giải:

- So sánh các số đã cho ta có

$$2 < 4 < 6 < 8 < 10 < 12 < 14 < 16 < 18 < 20.$$

Do đó các số được sắp xếp theo thứ tự từ bé đến lớn là:

$$2 ; 4 ; 6 ; 8 ; 10 ; 12 ; 14 ; 16 ; 18 ; 20.$$

- So sánh các số đã cho ta có

$$30 > 27 > 24 > 21 > 18 > 15 > 12 > 9 > 6 > 3.$$

Do đó các số được sắp xếp theo thứ tự từ bé đến lớn là:

30 ; 27 ; 24 ; 21 ; 18 ; 15 ; 12 ; 9 ; 6 ; 3

Vậy ta có kết quả như sau:

* Các số dưới đây được xếp theo thứ tự từ bé đến lớn :

a) 2 ; 4 ; 8 ; 6 ; 10 ; 12 ; 14 ; 16 ; 18 ; 20 **S**

b) 2 ; 4 ; 6 ; 8 ; 10 ; 12 ; 14 ; 16 ; 18 ; 20 **Đ**

* Các số dưới đây được xếp theo thứ tự từ lớn đến bé :

c) 30 ; 27 ; 24 ; 18 ; 15 ; 21 ; 12 ; 9 ; 6 ; 3 **S**

d) 30 ; 27 ; 24 ; 21 ; 18 ; 15 ; 12 ; 9 ; 6 ; 3 **Đ**

Câu 3

Phương pháp:

- Quan sát rồi đếm số con vật có trong mỗi lồng và số lồng.

- Viết phép nhân: số con vật trong mỗi lồng \times số lồng, sau đó tính kết quả.

Cách giải:

* Có tất cả bao nhiêu con gà ?



a) $2 \times 3 = 6$ (con) **Đ**

b) $3 \times 2 = 6$ (con) **S**

* Có tất cả bao nhiêu con mèo ?



c) $2 \times 3 = 6$ (con) **S**

d) $3 \times 2 = 6$ (con) **Đ**

PHẦN II. Tự luận**Bài 1.****Phương pháp:**

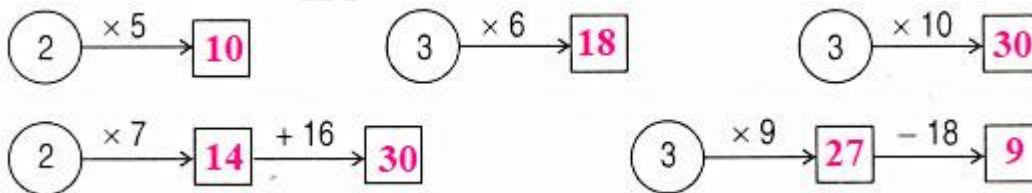
- Nhằm tính các phép tính trong bảng nhân 2.
- Áp dụng công thức: Thừa số \times Thừa số = Tích.

Cách giải:

Thừa số	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2
Thừa số	3	2	1	5	7	9	8	6	4	10
Tích	6	4	2	10	14	18	16	12	8	20

Bài 2.**Phương pháp:**

Thực hiện các phép tính theo chiều mũi tên từ trái sang phải.

Cách giải:**Bài 3.****Phương pháp:**

Muốn tìm số học sinh của 6 bàn ta lấy số học sinh của 1 bàn nhân với 6.

Cách giải:

6 bàn có số học sinh ngồi là:

$$2 \times 6 = 12 \text{ (học sinh)}$$

Đáp số: 12 học sinh.

Bài 4.**Phương pháp:**

Để tìm số ki-lô-gam của 5 túi gạo ta lấy số ki-lô-gam gạo của 1 túi nhân với 5.

Cách giải:

5 túi gạo có số ki-lô-gam gạo là:

$$3 \times 5 = 15 \text{ (kg)}$$

Đáp số: 15kg.

Bài 5.**Phương pháp:**

- a) Đếm thêm 2 đơn vị, tức là số liền sau bằng số liền trước cộng thêm 2 đơn vị.
- b) Bớt đi 2 đơn vị, tức là số liền sau bằng số liền trước trừ đi 2 đơn vị.
- c) Đếm thêm 3 đơn vị, tức là số liền sau bằng số liền trước cộng thêm 3 đơn vị.
- d) Bớt đi 3 đơn vị, tức là số liền sau bằng số liền trước trừ đi 3 đơn vị.

Cách giải:

- a) 8 ; 10 ; 12 ; **14 ; 16 ; 18** ; 20.
- b) 20 ; 18 ; 16 ; **14 ; 12 ; 10** ; 8.
- c) 12 ; 15 ; 18 ; **21 ; 24 ; 27** ; 30.
- d) 24 ; 21 ; 18 ; **15 ; 12 ; 9** ; 6.